

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP-TỈNH BÌNH PHƯỚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Đoàn Mạnh Quang

Ông: Lê Đình Cóong

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà: Nông Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐSt-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1984 – có mặt.

Bị đơn: anh Cao Văn H, sinh năm 1982 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Cao Văn H chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2004. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân là do vợ chồng hợp bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên say xỉn không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi nhau, bất hòa, thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 03 con chung là Cao Văn B, sinh năm 2004; Cao Thị Mỹ H, sinh ngày 26/6/2006 và Cao Thị Mỹ C, sinh ngày 09/3/2020. Cháu Bảo đã trưởng thành đang làm công nhân, cháu H và cháu C chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn H tại bản tự khai và buổi hòa giải: Anh H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn là nhỏ, không đến mức ly hôn nên không đồng ý, hiện vẫn còn tình cảm với chị T nên xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Anh H không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác. Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh H không có ý kiến.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với anh H và yêu cầu nuôi 02 con chung là cháu H và cháu C đến khi các đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Cao Văn H. Về con chung: Chấp nhận giao 02 con chung là Cao Thị Mỹ H(sinh ngày 26/6/2006); anh (sinh ngày 09/3/2020) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày của chị T, ý kiến của Kiểm sát viên và thông qua nghị án, HĐXX nhận định:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T thuộc trường hợp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Cao Văn H đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Cao Văn H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, giao nhận văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Cao Văn H, triệu tập anh H theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh H vẫn không có mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Cao Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 03/3/2004. Xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do chị Lê Thị T và anh Cao Văn H xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, gia đình thường xuyên bất hòa, anh H thường hay nhậu, uống rượu bia nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú, làm việc với Ban điều hành Thôn 5, xã T, huyện B xác định chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, gia đình bất hòa, hai vợ chồng không thể hàn gắn, anh H cũng không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Cao Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị T.

Về con chung: có 03 con chung là Cao Văn B, sinh năm 2004; Cao Thị Mỹ H, sinh ngày 26/6/2006 và Cao Thị Mỹ C, sinh ngày 09/3/2020. Cháu Bảo đã trưởng thành đang làm công nhân, cháu H và cháu C chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con chung: hiện nay chị T đang làm công nhân là thợ chăm sóc và khai thác mỏ cao su tại Đội sản xuất 4 – Trung đoàn 717 (trụ sở tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước), chị T được hưởng mức lương ổn định từ 6 triệu đến 7 triệu đồng trên 01 tháng và nguyện vọng của cháu H là được sống với mẹ (chị T). Về phần anh H, qua xác minh tại địa phương xác định anh H không có việc làm ổn định, thường xuyên uống rượu, quá trình làm việc anh H cũng không có yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn nên yêu cầu nuôi con của chị T là phù hợp, chị T đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung, nên HĐXX chấp nhận giao con chung là cháu C và cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội. Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56 và Điều 57; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Cao Văn H.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là Cao Thị Mỹ H, sinh ngày 26/6/2006 và Cao Thị Mỹ C, sinh ngày 09/3/2020 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017726 ngày 29/3/2023.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- **UBND xã Thiện Hưng;**
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Ngọc Thảo